

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KỲ 1 **MÔN SINH HỌC 10** **Năm học 2025 - 2026**

A- HÌNH THỨC KIỂM TRA:

70% câu hỏi trắc nghiệm, 30% câu hỏi tự luận.

B- NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA

PHẦN I. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM 4 LỰA CHỌN:

Câu 1. Phương pháp quan sát trong nghiên cứu và học tập môn Sinh học là

- A. phương pháp sử dụng các giác quan và phương tiện hỗ trợ để thu thập thông tin về một hay nhiều đối tượng hoặc hiện tượng.
- B. phương pháp sử dụng mắt để thu thập thông tin về một hay nhiều đối tượng hoặc hiện tượng.
- C. phương pháp sử dụng kính hiển vi để thu thập thông tin về một hay nhiều đối tượng hoặc hiện tượng.
- D. phương pháp sử dụng kính lúp để thu thập thông tin về một hay nhiều đối tượng hoặc hiện tượng.

Câu 2. Cấp độ tổ chức sống là

- A. vị trí của một tổ chức sống trong thế giới sống được xác định bằng số lượng và chức năng của các yếu tố cấu thành.
- B. bao gồm các sinh vật sống trong cùng một khu vực và có các mối quan hệ chặt chẽ với nhau.
- C. bao gồm tất cả các sinh vật và sinh cảnh của chúng trên trái đất.
- D. độ đa dạng của một tổ chức sống trong thế giới sống về thành phần, số lượng các yếu tố cấu thành.

Câu 3. Chú thích số mấy ở hình bên

mô tả cấp độ tổ chức sống cơ bản nhỏ nhất?

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4



Câu 4. Vai trò chung của các nguyên tố vi lượng đối với tế bào và cơ thể là gì?

- A. Tham gia cấu tạo các đại phân tử sinh học chiếm phần lớn khối lượng tế bào.
- B. Chiếm tỉ lệ lớn trong tế bào và quyết định cấu trúc của màng sinh chất.
- C. Chỉ tham gia vào hoạt động của nhân tế bào.
- D. Tham gia cấu tạo enzyme, cofactor và điều hòa nhiều hoạt động sống dù có mặt với lượng rất nhỏ.

Câu 5. Protein có nhiều ở

- A. thịt, cá, trứng, sữa
- B. các loại rau, củ, trứng
- C. các loại củ, hạt và trái cây
- D. rau củ, thịt và sữa.

Câu 6. Vai trò của nucleic acid trong tế bào là:

- A. quy định, lưu giữ và truyền đạt thông tin di truyền.
- B. điều hòa hoạt động gene.
- C. xúc tác cho các phản ứng sinh hóa trong tế bào.
- D. Quy định các tính trạng của cơ thể

Câu 7. Khi giải thích về “Tế bào là đơn vị cấu trúc và chức năng của cơ thể sống”, những nhận định nào sau đây đúng?

- 1. Mọi sinh vật đều được cấu tạo từ một hoặc nhiều tế bào.
- 2. Tế bào là cấp độ tổ chức sống cơ bản biểu hiện đầy đủ các hoạt động của một hệ sống.
- 3. Quá trình trao đổi và chuyển hóa năng lượng, di truyền của cơ thể đều được diễn ra bên ngoài tế bào.

4. Sự sống được hình thành từ phân tử nhưng không có phân tử nào có thể thực hiện hoạt động sống ở bên ngoài tế bào.
- A. 1,2 và 3 B. 2, 3 và 4 C. 1, 2 và 4 D. 1, 3 và 4
- Câu 8.** Ribosome ở tế bào nhân sơ có đặc điểm nào sau đây?
- A. Có màng bao bọc, kích thước lớn 80S
 B. Thuộc loại nhỏ 70S, không có màng bao bọc
 C. Nằm trong vùng nhân, kiểm soát sự ra vào chất
 D. Chứa nhiều gene và vật chất di truyền
- Câu 9.** Chức năng của ribosome là gì?
- A. Tổng hợp protein cho tế bào B. Quy định hình dạng tế bào
 C. Kiểm soát sự ra vào của các chất D. Mang thông tin di truyền
- Câu 10.** Bộ máy Golgi có vai trò chính là
- A. Tổng hợp protein B. Tổng hợp lipid
 C. Lắp ráp, đóng gói và phân phối sản phẩm D. Phân giải tế bào chết
- Câu 11.** Nhân tế bào đóng vai trò:
- A. điều khiển các hoạt động sống của tế bào
 B. sửa đổi, phân loại, đóng gói và vận chuyển các chất
 C. tổng hợp lipid, phân huỷ chất độc và chuyển hoá đường
 D. là bộ máy tổng hợp protein cho cơ thể
- Câu 12.** Chức năng của tế bào chất là:
- A. cung cấp năng lượng B. nơi diễn ra các hoạt động sống
 C. vận chuyển các chất D. dự trữ sắc tố, chất thải
- Câu 13.** Thành phần nào sau đây là cấu trúc cơ bản tạo nên tính bán thấm của màng sinh chất?
- A. Protein bám màng B. Lớp phospholipid kép
 C. Carbohydrate D. Cholesterol
- Câu 14.** Chức năng chính của protein xuyên màng là gì?
- A. Tăng độ nhớt của màng B. Vận chuyển các chất qua màng
 C. Gắn kết tế bào với chất nền ngoại bào D. Tổng hợp năng lượng
- Câu 15.** Ở tế bào động vật, cấu trúc nào bên ngoài màng sinh chất có vai trò liên kết tế bào và tham gia truyền thông tin?
- A. Thành tế bào B. Chất nền ngoại bào
 C. Bộ sợi cellulose D. Màng nhân
- Câu 16.** Thành tế bào thực vật có đặc điểm gì nổi bật?
- A. Chủ yếu tạo bởi lipid B. Được cấu tạo bởi chuỗi cellulose
 C. Chứa nhiều collagen và proteoglycan D. Không thấm nước hoàn toàn
- Câu 17.** Vì sao bạch cầu có thể “ăn” được vi khuẩn?
- A. Vì bạch cầu có lysosome tiêu hóa vi khuẩn xâm nhập
 B. Vì bạch cầu tạo chất độc để vô hiệu hóa vi khuẩn
 C. Vì bạch cầu vận chuyển vi khuẩn ra ngoài cơ thể
 D. Vì bạch cầu tổng hợp chất béo để bao vây vi khuẩn
- Câu 18.** Ví dụ minh họa nào sau đây là **sai** khi nói về sự vận chuyển thụ động?
- A. Iot từ nước biển vào tế bào tảo dù nồng độ trong tế bào cao hơn
 B. Glucozo từ nước tiểu về máu dù cho nồng độ trong máu cao hay thấp
 C. Oxy từ phổi vào máu theo chênh lệch nồng độ
 D. Nước từ tế bào lá xà lách di chuyển ra môi trường nước muối ngâm
- Câu 19.** Ví dụ nào sau đây thể hiện vai trò của sinh học đối với phát triển kinh tế?
- A. Tạo ra các giống cây trồng mới có năng suất và chất lượng cao.
 B. Giải mã hệ gene của tất cả các sinh vật và con người.
 C. Tìm ra các phương pháp phòng và chữa trị bệnh hiệu quả.

D. Tìm ra nhiều chủng vi sinh vật có khả năng phân hủy rác thải nhựa.

Câu 20. Trong học tập và nghiên cứu sinh học, người ta sử dụng một công cụ nhằm thu thập, xử lý, phân tích các thông tin và dữ liệu sinh học bằng phần mềm máy tính, từ đó xây dựng cơ sở dữ liệu và cho phép thực hiện các liên kết giữa chúng. Công cụ này có tên là:

- A. Tin sinh học
- B. Hóa sinh học
- C. Phòng sinh học
- D. Khoa học máy tính

Câu 21. Tế bào là đơn vị cấu trúc của mọi cơ thể sinh vật vì

- A. mọi cơ thể sinh vật đều được cấu tạo từ một hoặc nhiều tế bào.
- B. mọi cơ thể sinh vật đều được cấu tạo từ nhiều tế bào.
- C. các hoạt động sống cơ bản đều được thực hiện ở tế bào, hoạt động sống ở cấp độ tế bào là nền tảng cho hoạt động sống ở cấp độ cơ thể.
- D. các hoạt động sống cơ bản đều được thực hiện ở tế bào, hoạt động sống ở cấp độ cơ thể là nền tảng cho hoạt động sống ở cấp độ tế bào.

Câu 22. Vai trò nào dưới đây **không** phải là vai trò của nước trong tế bào?

- A. Là môi trường diễn ra các phản ứng sinh hóa.
- B. Đảm bảo sự ổn định nhiệt.
- C. Là nguồn dự trữ năng lượng.
- D. Là dung môi hoà tan các chất.

Câu 23. Lipid có vai trò nào sau đây?

- A. Cấu tạo nên thành tế bào thực vật.
- B. Cấu tạo nên màng sinh chất.
- C. Cấu tạo nên hầu hết các enzyme trong tế bào.
- D. Cấu tạo nên vật chất di truyền của tế bào.

Câu 24. Nguồn thực phẩm nào dưới đây cung cấp protein cho cơ thể:

- A. Rau dền đỏ, củ cà rốt
- B. Thịt bò, cua huỳnh đế
- C. Tôm hùm bông, chocolate
- D. Mật ong, hạt macca

Câu 25. Năng lượng dự trữ lâu dài của tế bào thường tồn tại trong:

- A. Liên kết giàu năng lượng của ATP
- B. Liên kết hoá học của tinh bột, glycogen, triglyceride
- C. Quang năng từ ánh sáng Mặt trời
- D. Điện năng từ ion Na^+ và K^+

Câu 26. Trong chuyển hóa năng lượng, năng lượng được chuyển đổi giữa các dạng khác nhau. Phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Năng lượng ánh sáng được chuyển thành năng lượng hóa học trong quang hợp.
- B. Năng lượng ATP được tạo ra trực tiếp từ cơ năng mà không qua chuyển hóa.
- C. Năng lượng cơ học trong tế bào được chuyển trực tiếp thành năng lượng ánh sáng.
- D. Năng lượng hóa học trong tinh bột không bao giờ được tế bào sử dụng.

Câu 27. Ví dụ nào sau đây minh họa cho hình thức **khuyết tán đơn giản** qua màng sinh chất (một hình thức của vận chuyển thụ động)?

- A. Sự di chuyển của ion K^+ từ bên trong ra bên ngoài tế bào ngược gradien nồng độ nhờ bơm $\text{Na}^+ - \text{K}^+$.
- B. Sự vận chuyển của O_2 và CO_2 qua lớp kép phospholipid.
- C. Sự hấp thu glucose vào tế bào hồng cầu nhờ protein vận chuyển đặc hiệu.
- D. Nước di chuyển qua kênh aquaporin vào tế bào.

Câu 28. Khi cho muối vào dưa cải, dưa cải thường bị mềm đi. Nguyên nhân chủ yếu là

- A. Muối làm tăng nồng độ nước trong tế bào dưa cải.
- B. Muối làm nước trong tế bào dưa cải khuếch tán ra ngoài do hiện tượng thẩm thấu, làm tế bào mất nước và dưa mềm.
- C. Muối phá hủy hoàn toàn màng tế bào dưa cải.
- D. Muối làm dưa cải lên men ngay lập tức.

Câu 29. Vì sao thường xuyên ngâm nước muối loãng sẽ hạn chế được bệnh viêm họng, sâu răng?

- A. Nước muối loãng đã làm cho tế bào vi sinh vật gây bệnh bị co nguyên sinh nên bị mất nước

- B.** Nước muối loãng thấm vào làm vỡ tế bào vi sinh vật gây bệnh
C. Nước muối có tác dụng diệt khuẩn giống thuốc kháng sinh
D. Trong điều kiện nước muối loãng chất nguyên sinh tế bào vi sinh vật gây bệnh bị trương lên làm rối loạn hoạt động sinh lí.

Câu 30. Một tế bào thực vật bị đặt trong môi trường ưu trương làm cho tế bào co nguyên sinh (plasmolysis). Bộ phận nào sau đây giữ vai trò quan trọng giúp tế bào không bị vỡ và vẫn giữ được hình dạng ban đầu dù màng sinh chất bị tách khỏi cấu trúc bên ngoài?

- A.** Glycoprotein trên màng sinh chất
B. Chất nền ngoại bào
C. Thành tế bào cấu tạo bởi cellulose
D. Cholesterol trong màng sinh chất

Câu 31. Đặc điểm nào sau đây **không đúng** với enzyme?

- A.** Là chất xúc tác sinh học đặc hiệu
B. Làm tăng tốc độ phản ứng lên hàng triệu tỉ lần
C. Bị biến đổi và mất hoạt tính sau khi phản ứng kết thúc
D. Hoạt động trong điều kiện phù hợp với sự sống

Câu 32. Chất được enzyme tác động lên trong phản ứng gọi là:

- A.** Sản phẩm
B. Cơ chất
C. Đồng enzyme
D. Chất ức chế

Câu 33. Cofactor của enzyme **không** bao gồm thành phần nào sau đây?

- A.** Ion kim loại như Fe^{2+} , Zn^{2+} , Mg^{2+}
B. Các hợp chất hữu cơ có nguồn gốc vitamin
C. Coenzyme như NAD^+ , FAD
D. Phân tử nước

Câu 34. Mô hình “khớp cảm ứng” dùng để mô tả điều gì?

- A.** Enzyme luôn giữ nguyên dạng khi liên kết với cơ chất
B. Trung tâm hoạt động thay đổi hình dạng để phù hợp với cơ chất
C. Cơ chất thay đổi hình dạng để phù hợp với enzyme
D. Cofactor quyết định cấu trúc của cơ chất

Câu 35. Khi phân tử ATP bị phá vỡ liên kết giữa các gốc phosphate, điều gì xảy ra?

- A.** Tế bào lưu trữ thêm năng lượng
B. Năng lượng được giải phóng trực tiếp cho hoạt động sống
C. ATP được chuyển hóa thành glucose
D. Năng lượng bị mất đi dưới dạng nhiệt hoàn toàn

PHẦN II: CÂU TRẮC NGHIỆM ĐÚNG – SAI

Câu 1. Khi quan sát dưới kính hiển vi điện tử, người ta nhận thấy tế bào cơ tim có mật độ ti thể rất cao, trong khi tế bào biểu bì có số lượng ti thể ít hơn rõ rệt. Sự khác biệt này liên quan trực tiếp đến nhu cầu năng lượng của từng loại tế bào.

- a) Ti thể là bào quan có ở cả tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực.
b) Tế bào cơ tim chứa nhiều ti thể vì ti thể là nơi diễn ra hô hấp tế bào, cung cấp ATP cho hoạt động co bóp liên tục của tim.
c) Nếu số lượng ti thể trong tế bào cơ tim giảm mạnh do đột biến, khả năng co bóp của tim sẽ bị suy giảm.
d) Nếu tăng số lượng ti thể trong tế bào biểu bì lên bằng tế bào cơ tim thì tế bào biểu bì sẽ có khả năng co cơ giống tế bào cơ tim.

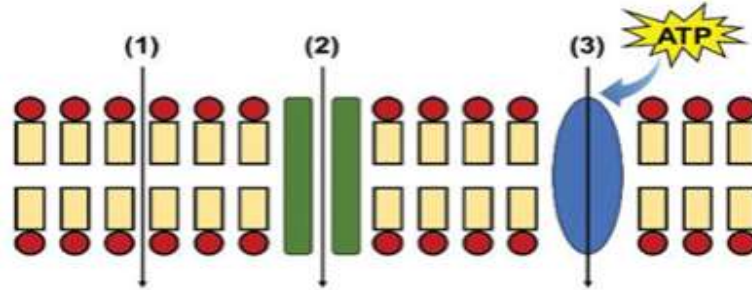
Câu 2. Một nhóm học sinh tiến hành quan sát tế bào lá thái lát tía khi đặt tế bào vào các dung dịch muối có nồng độ khác nhau, nhằm nghiên cứu cơ chế vận chuyển nước qua màng sinh chất.

- a) Lá thái lát tía có thành tế bào vững chắc được cấu tạo bằng chitin, có vai trò duy trì hình dạng tế bào.
b) Màng sinh chất có cấu trúc khảm lỏng giúp kiểm soát linh hoạt sự vận chuyển nước và ion ra vào tế bào.
c) Khi tế bào lá thái lát tía đặt trong dung dịch muối, nước sẽ di chuyển vào trong tế bào dẫn đến hiện tượng co nguyên sinh.
d) Dung dịch có nồng độ muối càng cao thì tế bào chất co lại càng nhiều hơn do một lượng lớn nước đã di chuyển ra khỏi tế bào.

Câu 3. Trong quá trình xúc tác sinh học, enzyme đóng vai trò then chốt giúp các phản ứng trong tế bào diễn ra nhanh và hiệu quả hơn. Mỗi enzyme có cấu trúc đặc trưng. Bên cạnh đó, hoạt tính của enzyme còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố môi trường như nhiệt độ, pH hay nồng độ cơ chất. Sau đây là các nhận định về enzyme:

- Trung tâm hoạt động của enzyme là vùng liên kết đặc hiệu với cơ chất, có cấu trúc tương ứng với cơ chất.
- Khi cơ chất liên kết với enzyme, trung tâm hoạt động giữ nguyên cấu trúc không gian, không thay đổi.
- Mỗi loại enzyme chỉ hoạt động ở một dải nhiệt độ nhất định vì khi nhiệt độ quá cao, liên kết trong cấu trúc của enzim có thể bị phá vỡ làm mất hoạt tính.
- Enzim có thể giữ nguyên cấu trúc và hoạt động bình thường ở mọi mức nhiệt độ khác nhau.

Câu 4: Hình dưới đây mô tả các hình thức vận chuyển các chất qua màng sinh chất:



- Ở hình thức (1) tốc độ vận chuyển phụ thuộc chủ yếu vào sự chênh lệch nồng độ chất tan.
- Ở hình thức (2) các chất qua màng thường là các ion, các phân tử không tan trong lipid.
- Ở hình thức (3) cần có sự biến dạng của màng sinh chất và không tiêu tốn năng lượng ATP.
- Ở động vật, cholesterol được vận chuyển trong máu dưới dạng lipoprotein, các lipoprotein này có thể được đưa vào tế bào bằng hình thức (3).

Câu 5. Trong một thí nghiệm, học sinh nhỏ dung dịch muối đậm đặc vào môi trường nuôi cấy tế bào biểu bì lá hành và quan sát bằng kính hiển vi. Sau một thời gian, thấy tế bào bị co nguyên sinh, màng sinh chất tách khỏi thành tế bào.

- Màng sinh chất được cấu tạo chủ yếu từ lớp kép phospholipid và protein.
- Hiện tượng màng sinh chất tách khỏi thành tế bào chứng tỏ màng sinh chất có tính thấm chọn lọc.
- Nếu thay dung dịch muối đậm đặc bằng nước tinh khiết thì tế bào sẽ dần trở lại trạng thái bình thường nhờ sự thẩm thấu qua màng sinh chất.
- Nếu màng sinh chất bị phá hủy hoàn toàn nhưng thành tế bào vẫn còn nguyên, tế bào vẫn có thể trao đổi chất bình thường với môi trường.

Câu 6. Trong tế bào tuyến tụy ngoại tiết, enzym tiêu hoá là protein được tổng hợp trong tế bào rồi tiết ra ngoài để tham gia tiêu hoá. Khi quan sát siêu hiển vi, người ta thấy lưới nội chất hạt và bộ máy Golgi đều phát triển mạnh.

- Ribosome bám trên lưới nội chất hạt trực tiếp tổng hợp các chuỗi polypeptid cấu tạo nên enzym tiêu hoá.
- Lưới nội chất hạt có vai trò vận chuyển protein mới tổng hợp từ ribosome vào trong hệ thống màng để chuyển đến bộ máy Golgi.
- Bộ máy Golgi là nơi trực tiếp tổng hợp enzym tiêu hoá cho tế bào tuyến tụy.
- Nếu bộ máy Golgi bị rối loạn thì enzym tiêu hoá sẽ không được tổng hợp ở ribosome nữa.

PHẦN III: CÂU TRẮC NGHIỆM TRẢ LỜI NGẮN

Câu 1. Trong một thí nghiệm kiểm tra sự có mặt của tinh bột ở các lát cắt chuối xanh và chuối chín bằng thuốc thử Lugol, học sinh quan sát thấy chuối xanh chuyển sang màu xanh tím đậm, trong khi chuối chín hầu như không đổi màu. Từ kết quả đó, em hãy rút ra có bao nhiêu nhận định sai về thành phần hoá học trong tế bào chuối ở hai giai đoạn chín và xanh?

- 1) Chuối xanh có hàm lượng tinh bột cao nên phản ứng mạnh với iodine tạo màu xanh tím.
- 2) Chuối chín đổi màu yếu với iodine vì màu của vỏ làm che mất sự xuất hiện của tinh bột.
- 3) Chuối xanh không thể chứa tinh bột vì chưa tích lũy đủ chất dinh dưỡng.
- 4) Chuối chín không còn tinh bột vì toàn bộ đã chuyển hóa thành đường đơn nên không đổi màu khi nhỏ Lugol.

Câu 2. Có bao nhiêu nhận định sau đây là **Sai** khi nói về nhân của tế bào nhân sơ?

- 1) Nhân tế bào nhân sơ thường không có màng nhân bao bọc, DNA thường dạng vòng, nổi bật ở vùng nhân.
- 2) Toàn bộ quá trình sao chép DNA và phiên mã xảy ra trực tiếp trong tế bào chất, không cần ra khỏi nhân.
- 3) Nhân tế bào nhân sơ chứa nhiều nhiễm sắc thể, được bảo vệ bởi lớp màng kép.
- 4) Nhân tế bào nhân sơ điều khiển các hoạt động sống của tế bào bằng cách lưu trữ và truyền đạt thông tin di truyền.

Câu 3. Trong các nhóm chất sau đây: đại phân tử hữu cơ, enzyme, lipid, nucleic acid, vitamin, hormone, protein và đường đa; có bao nhiêu nhóm chất sinh học mà các nguyên tố vi lượng thường tham gia trực tiếp vào cấu tạo hoặc hoạt động của chúng?

Câu 4. Cho các phát biểu sau:

1. Mọi cơ thể sống đều được cấu tạo từ một hoặc nhiều tế bào.
2. Tế bào là đơn vị nhỏ nhất cấu tạo nên mô, cơ quan và hệ cơ quan.
3. Các hoạt động sống ở cấp độ tế bào là nền tảng cho hoạt động sống của cơ thể.
4. Cơ thể không phụ thuộc vào sự trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng của tế bào.
5. Tất cả các hoạt động sống của cơ thể như sinh trưởng, trao đổi chất, sinh sản và di truyền đều diễn ra bên ngoài tế bào.

Có bao nhiêu phát biểu đúng để giải thích cho nội dung tế bào là đơn vị cấu trúc và đơn vị chức năng của cơ thể sống?

Câu 5. Có bao nhiêu đặc điểm sau đây đúng khi nói về tế bào nhân sơ?

- (1) Kích thước rất nhỏ,
- (2) Lông nhung và roi làm nhiệm vụ bám dính và di chuyển
- (3) DNA dạng vòng kép
- (4) Chứa nhiều vào quan có màng bao bọc
- (5) Thành tế bào cấu tạo bởi cellulose

Câu 6. Có bao nhiêu hiện tượng sau đây là đúng khi nói về hiện tượng nhập bào hoặc xuất bào qua biến dạng màng sinh chất?

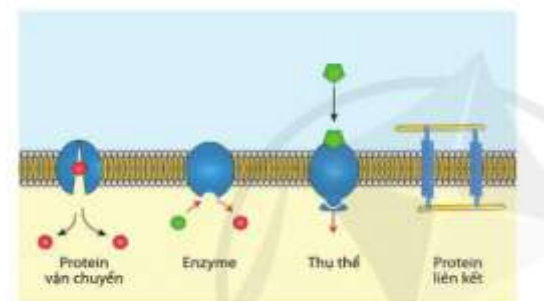
- (1) Bạch cầu nuốt vi khuẩn bằng cách kéo dài màng sinh chất và bọc quanh vi khuẩn
- (2) Tế bào tuyến tụy tiết insulin bằng cách hợp nhất túi màng với màng tế bào
- (3) Đại thực bào loại bỏ chất thải bằng cách đẩy túi chứa chất thải ra ngoài
- (4) Tế bào lông hút hấp thu các ion khoáng
- (5) Trùng giày lấy thức ăn từ môi trường nước

Câu 7. Có bao nhiêu loại phân tử chính tạo nên màng sinh chất?

Câu 8. Trong mô tả ở hình 8.3, có bao nhiêu loại protein được minh họa trên màng sinh chất ?

Câu 9. Có bao nhiêu đặc điểm đúng sau đây khi nói về lục lạp?

- (1) Tilacoid xếp chồng thành grana
- (2) Trên màng tilacoid có chứa diệp lục
- (3) Grana nối với nhau bằng các ống màng
- (4) Chất nền Stroma nằm bên trong màng tilacoid



Hình 8.3. Một số protein trên màng sinh chất

Câu 10. Có bao nhiêu đặc điểm đúng sau đây khi nói về lưới nội chất?

- (1) Lưới nội chất hạt có ribosome bám trên bề mặt.
- (2) Lưới nội chất trơn tham gia tổng hợp protein.
- (3) Lưới nội chất hạt là nơi tổng hợp protein tiết ra ngoài tế bào.
- (4) Lưới nội chất trơn tham gia tổng hợp lipid và phân giải chất độc.
- (5) Cả lưới nội chất hạt và trơn đều có hệ thống màng nối liền nhau.

PHẦN IV. CÂU HỎI TỰ LUẬN

- 1. Trình bày được vai trò của các phân tử sinh học trong tế bào: carbohydrate, lipid, protein, nucleic acid. Kể tên 3 loại thực phẩm cung cấp các protein, chất béo cho cơ thể người?
- 2. Phân tích được mối quan hệ phù hợp giữa cấu tạo và chức năng của thành tế bào (ở tế bào thực vật) và màng sinh chất.
- 3. Vận dụng những hiểu biết về sự vận chuyển các chất qua màng sinh chất để giải thích một số hiện tượng thực tiễn (muối dưa, muối cà).
- 4. Lập bảng so sánh cấu tạo tế bào thực vật và tế bào động vật.

*****HẾT*****